

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Phạm Ngũ Lão.
2. Địa chỉ: Số 2A, thôn Địa, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 078 8776 622
Trang Web: <https://ceohighschool.edu.vn>
3. Loại hình cơ sở giáo dục: Tự thực.
Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
Nhà đầu tư: Ông Vũ Văn Tiêu.
4. Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Tầm nhìn

Trở thành Hệ thống giáo dục uy tín hàng đầu trong việc phát triển cân bằng giữa phẩm chất - năng lực và định hướng tương lai cho Học sinh THPT.

4.2. Sứ mệnh

Phát triển năng lực và định hướng tư duy trở thành doanh nhân tương lai ngay từ tuổi 15 cho Học sinh với khát vọng cống hiến trí tuệ và trao giá trị tốt đẹp đến cộng đồng và xã hội.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực, kỷ cương, nề nếp, văn minh, sáng tạo, chủ động, thích ứng, hội nhập, khát vọng vươn lên.

Học sinh **KHÁT VỌNG**

Giáo viên **LÀM GƯƠNG**

Lãnh đạo **TRÍ TUỆ**

Phụ huynh **THẤU HIỂU**

4.3. Mục tiêu chung

Trường THPT Phạm Ngũ Lão xác định sứ mệnh “kiến tạo những thế hệ học sinh thành công và hạnh phúc” theo định hướng trở thành doanh nhân trong tương lai.

- Xây dựng Trường THPT Phạm Ngũ Lão trở thành ngôi trường có uy tín trong khu vực về chất lượng đào tạo, môi trường thân thiện được Đảng, Chính quyền, nhân dân tín nhiệm.

- Trường lấy triết lý “Thân-Tâm-Tuệ” làm triết lý giáo dục với nỗ lực giúp học sinh rèn luyện 3 phần cốt lõi của con người.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong thời đại mới.

- Xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. An ninh, an toàn trường học được đảm bảo.

- Nâng cao chất lượng học sinh về năng lực, kiến thức, kỹ năng và thái độ sống tích cực, có khả năng thích ứng cao với đời sống thực.

4.4. Mục tiêu cụ thể

4.4.1. Về nhà trường

- Trong 5 năm, trường THPT Phạm Ngũ Lão trở thành trường học có uy tín nhất ở khu vực Đông Anh và được cha mẹ học sinh và học sinh lựa chọn.

- Số học sinh tuyển sinh vào lớp 10 tăng từ khoảng 50 học sinh năm học 2021 - 2022 đến khoảng 200 học sinh năm học 2025 - 2026, tăng gấp 4 lần.

4.4.2. Đội ngũ nhà giáo và nhân sự

- 100% giáo viên (*bao gồm cả cơ hữu và thỉnh giảng*) đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo.

- Đến năm 2026, toàn trường có 05 thạc sĩ, 03 Tiến sĩ, 06 giáo viên được công nhận là giáo viên giỏi cấp Cụm.

- 100% cán bộ, giáo viên sử dụng thành thạo máy vi tính vào các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của mình góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác.

- 100% giáo viên tham gia có chất lượng tập huấn Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo qua hình thức học tập qua mạng.

4.4.3. Chất lượng học sinh:

- Hàng năm, 100% học sinh đạt kết quả học tập Tốt, Khá; 99% học sinh đạt kết quả rèn luyện Tốt, danh hiệu học sinh Giỏi chiếm 50%.

- Từ năm học 2023-2024, 100% học sinh lớp 12 Tốt nghiệp.
- 100% học sinh Tốt nghiệp đạt được mục tiêu được xác lập khi vào trường là đỗ các trường đào tạo ngành kinh doanh hoặc đi du học.
- 100% học sinh tham gia ít nhất 01 câu lạc bộ học thuật và 01 câu lạc bộ thể thao, nghệ thuật.

4.4.4. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học và xây dựng môi trường nhà trường xanh, sạch, đẹp

- 100% phòng học có trang bị thiết bị dạy học hiện đại, 01 tivi thông minh, máy tính, 02 điều hòa, hệ thống điện, bảng trượt.
- 100% phòng ở và phòng chức năng có thiết bị đảm bảo nhu cầu chiếu sáng, nhiệt độ, thiết bị điện thấp sáng, bình nóng lạnh, vòi nước, thiết bị vệ sinh, có biển báo hướng dẫn, chỉ dẫn an toàn.
- Đảm bảo thiết bị và dụng cụ phòng cháy, chữa cháy.

4.4.5. Về chất lượng phục vụ

- Tỷ lệ cha mẹ hài lòng với chất lượng đào tạo và dịch vụ chăm sóc học sinh đạt 90% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh hài lòng, yêu quý trường lớp, gắn bó với thầy cô và bè bạn đạt từ 90% trở lên.

5. Quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

5.1. Lịch sử hình thành

- Trường THPT Phạm Ngũ Lão được thành lập từ năm 1999 tại huyện Đông Anh, Hà Nội. Trường đã có hơn 20 năm hoạt động và đạt được nhiều thành tích nhất định trong công tác giảng dạy và đào tạo hệ trung học phổ thông cũng như tạo được độ uy tín trong hệ thống các trường phổ thông của Thành phố.

- Địa chỉ trường đặt địa điểm tại: Số 2A, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

5.2. Quá trình và định hướng phát triển

Năm học	Kế hoạch cụ thể	Nguồn lực
2021-2022	<p>Năm học kiến tạo nền tảng vững chắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hiệu quả, chất lượng các hoạt động dạy học - Đảm bảo an toàn trường học, ứng phó linh hoạt với tình hình dịch bệnh Covid-19 - Đảm bảo chương trình học theo kế hoạch năm học 2021-2022 (<i>chương trình 2006</i>) - Xây dựng đội ngũ nhân sự, đội ngũ nhà giáo có chất lượng, phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường, đảm bảo nền tảng vật chất, thiết bị dạy học hiệu quả. - Đổi mới cơ chế quản lý và vận hành nhà trường; đào tạo cán bộ quản lý và xây dựng và thực hiện bộ quy trình vận hành nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời chuyên gia cố vấn - Ban lãnh đạo Nhà trường xây dựng và dẫn dắt - Các bộ phận trong nhà trường giáo viên, nhân viên tham gia.
2022-2023	<p>Năm học nâng cao chất lượng dạy học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chương trình học với lớp 11 theo Chương trình GDPT 2006 và lớp 10 theo Chương trình GDPT 2018. - Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng dạy học Chương trình mới và đổi mới phương pháp dạy học. - Tăng cường thiết bị đáp ứng dạy học chương trình 2018 và đổi mới phương pháp dạy học. - Tiếp tục đổi mới và điều chỉnh quy trình vận hành. - Tăng cường các biện pháp đảm bảo chất lượng giáo dục. - Tăng cường công tác tuyển sinh, nâng số lượng học sinh nhập học. - Giáo viên tham gia các cuộc thi giáo viên giỏi, thiết kế elearning; - Học sinh tham gia các cuộc thi HSG, các hoạt động khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời chuyên gia đào tạo giáo viên và thực thi chương trình - Ban lãnh đạo Nhà trường xây dựng và dẫn dắt - Các bộ phận trong nhà trường giáo viên, nhân viên tham gia.

<p>2023-2024</p>	<p>Năm học định vị thương hiệu chất lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức dạy học theo chương trình 2006 đối với học sinh lớp 12 và Chương trình 2018 với học sinh lớp 11 và lớp 10. - Kiểm soát chất lượng dạy học, thanh tra chất lượng, tổ chức khảo sát chất lượng học sinh từ bên thứ ba. - Đảm bảo kết quả 100% học sinh tốt nghiệp và đạt được mục tiêu sau THPT. - Tăng cường bồi dưỡng tập huấn giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học chương trình mới. - Tổ chức học sinh lớp 12 đăng ký và thi chứng chỉ Tin học (MOS) - Định vị thương hiệu Nhà trường và tăng số lượng học sinh nhập học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời chuyên gia đào tạo giáo viên và thực thi chương trình - Ban lãnh đạo Nhà trường xây dựng và dẫn dắt - Các bộ phận trong nhà trường giáo viên, nhân viên tham gia.
<p>2024-2025</p>	<p>Năm học phát triển bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng số lượng giáo viên, giữ tỉ lệ giáo viên cơ hữu lên trên 80%, đảm bảo có số lượng giáo viên cơ hữu ở tất cả các môn học. - Nâng cao chất lượng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp dạy học. - Tham gia các hoạt động chuyên môn của Sở và của cụm. - Kiểm soát chất lượng dạy học, thanh tra chất lượng, tổ chức khảo sát chất lượng học sinh từ bên thứ ba. - Đảm bảo kết quả 100% học sinh tốt nghiệp và đạt được mục tiêu sau THPT. - Tổ chức học sinh lớp 12 đăng ký và thi chứng chỉ Tin học (MOS) - Tăng số lượng tuyển sinh và nâng tỉ lệ hài lòng của CMHS về nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời chuyên gia đào tạo giáo viên và thực thi chương trình - Ban lãnh đạo Nhà trường xây dựng và dẫn dắt - Các bộ phận trong nhà trường giáo viên, nhân viên tham gia.
<p>2025-2026</p>	<p>Năm học phát huy thành quả, phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng số lượng giáo viên, giữ tỉ lệ giáo viên cơ hữu lên trên 80%, đảm bảo có số lượng giáo viên cơ hữu ở tất cả các môn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời chuyên gia đào tạo giáo viên và thực thi chương trình - Ban lãnh đạo Nhà trường xây dựng và dẫn dắt - Các bộ phận trong nhà trường giáo viên, nhân viên tham gia.



	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp dạy học. - Tham gia các hoạt động chuyên môn của Sở và của cụm. - Kiểm soát chất lượng dạy học, thanh tra chất lượng, tổ chức khảo sát chất lượng học sinh từ bên thứ ba. - Đảm bảo kết quả 100% học sinh tốt nghiệp và đạt được mục tiêu sau THPT. - Tổ chức học sinh lớp 12 đăng ký và thi chứng chỉ Tin học (MOS) - Tăng số lượng tuyển sinh và nâng tỉ lệ hài lòng của CMHS về nhà trường. 	
2026-2027	<p>Chủ đề: Vững nội lực – Mở tương lai, hội nhập quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố đội ngũ giáo viên - Duy trì và nâng tỷ lệ giáo viên cơ hữu trên 85%, đảm bảo đủ giáo viên ở tất cả các môn học. - Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là năng lực dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. - Khuyến khích giáo viên tham gia các khóa đào tạo, hội thảo chuyên môn trong nước và quốc tế. - Nâng cao chất lượng dạy học và kiểm định - Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng cá thể hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số. - Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng giảng dạy; phối hợp với các đơn vị khảo thí độc lập để đánh giá khách quan năng lực học sinh. - Duy trì và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 100%, đồng thời nâng cao chất lượng điểm thi. - Tập trung vào kết quả học tập và rèn luyện - Xây dựng môi trường học tập kỷ cương, tích cực; chú trọng giáo dục kỹ năng sống, phẩm chất, ý thức tự học của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời chuyên gia tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và hỗ trợ triển khai hiệu quả chương trình giáo dục. - Ban lãnh đạo nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, định hướng chiến lược và trực tiếp chỉ đạo, dẫn dắt quá trình thực hiện. - Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường phối hợp tham gia, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

GIÁO
 TRƯ
 PH
 PHAM
 05

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp hỗ trợ học sinh yếu và bồi dưỡng học sinh khá, giỏi. - Định hướng hội nhập và phát triển quốc tế - Tổ chức cho học sinh tham gia các kỳ thi, sân chơi học thuật trong nước và quốc tế. - Đẩy mạnh đào tạo và thi các chứng chỉ quốc tế (Tin học MOS, ngoại ngữ IELTS/TOEFL...). - Từng bước xây dựng các chương trình liên kết, giao lưu học thuật quốc tế. - Công tác tuyển sinh và sự hài lòng của phụ huynh - Tăng quy mô tuyển sinh đi đôi với đảm bảo chất lượng đầu vào. - Nâng cao mức độ hài lòng của CMHS thông qua chất lượng giáo dục, dịch vụ và sự minh bạch thông tin. - Tiếp tục nỗ lực, cố gắng tăng số lượng tuyển sinh và nâng tỉ lệ hài lòng của cha mẹ học sinh về nhà trường. 	
--	--	--



5.3. Tình hình học sinh trong các năm gần đây

Năm học	Số lớp			Tổng số lớp	Tổng số học sinh
	Khối 10	Khối 11	Khối 12		
2021-2022	03	0	0	03	56
2022-2023	04	02	0	06	153
2023-2024	03	03	03	09	182
2024-2025	03	03	02	08	169
2025-2026	03	02	03	08	174

5.4. Tình hình cán bộ giáo viên trong các năm gần đây

Năm học	Tổng số CB, CNV	Số cán bộ quản lý	Số giáo viên	Số nhân viên
2021-2022	23	01	12	10
2022-2023	33	01	20	12
2023-2024	40	01	26	13
2024-2025	31	02	21	08
2025-2026	27	01	18	08

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Thông tin người đại diện pháp luật: Ông Lê Văn Tuấn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: Số 2A, thôn Địa, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 098 5461 623

Email: c3phamngulao@hanoiedu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập

- Quyết định thành lập số 3839/QĐ-UB ngày 20/9/1999 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cho phép thành lập trường PTTH-DL Phạm Ngũ Lão.

- Quyết định số 5677/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép trường PTTH-DL Phạm Ngũ Lão được chuyển đổi loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số 1319/QĐ-SGDĐT ngày 31/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão.

7.3. Quyết định công nhận Hiệu trưởng

Quyết định số 1821/QĐ-SGDĐT ngày 22/07/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Phạm Ngũ Lão

Quyết định số 20/QĐ-THPT PNL ngày 21/3/2024 của trường THPT Phạm Ngũ Lão về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão.

7.5. Họ và tên, chức vụ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Văn Tuấn	Hiệu trưởng	098 5461 623	tuan.lv@thptphamngulao.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Số 2A, thôn Đìa, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Kế hoạch nhiệm vụ năm học, công nhận đơn vị học tập, Quy chế chi tiêu nội bộ...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	XS	K	TB	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	3	7	18							9	19		
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	18	3	5	10							8	10		
1	Toán	2		2								2			
2	Lý	2		1	1							1	1		
3	Hóa	1	1									1			
6	Sử	2		1	1							1	1		
7	Địa	1			1								1		
8	GDKT& PL	1			1								1		
9	Anh	2			2								2		
10	Ngữ văn	3	2		1							2	1		
11	GDTC	2			2								2		
12	GDQP	1			1								1		

13	Tin	1	1								1		
II	Cán bộ quản lý	1	1								1		
1	Hiệu trưởng	1	1								1		
III	Nhân viên	9	1	8								9	
1	Nhân viên văn thư	1		1								1	
2	Nhân viên kế toán	2		2								2	
3	Thủ quỹ	1		1								1	
4	Nhân viên y tế	2		2								2	
5	Nhân viên thư viện	1		1								1	
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1								1	
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1	1									1	

100% Cán bộ, giáo viên công nhân viên hoàn thành bồi dưỡng, tự bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng diện tích đất: **4952 m²**

- Tổng diện tích sử dụng: **2552 m²**

- Tổng diện tích sân chơi: **2400 m²**

- Bình quân diện tích đất hoặc diện tích sử dụng/học sinh: **14,5 m²**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	14,5 m²/học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-

3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	8/15	-
8	Bình quân học sinh/lớp	23	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4.952	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.400	
VI	Tổng diện tích các phòng	2552	
1	Diện tích phòng học (m ²)	750	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	299,6	
3	Diện tích thư viện (m ²)	80	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	80	
5	Diện tích phòng khác (...) (m ²)	100	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối 10		10
1.2	Khối 11		10
1.3	Khối 12		10
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	01	
2.1	Khối lớp 10	0	

2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/ thiết bị)	01	
4	Số lượng sách, tài liệu tham khảo	1100	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		01 tivi/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Hệ thống camera	30	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	100
XI	Nhà ăn	200

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	13; 400 m ²	345	1,2 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04		03/03		0,9/1,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá trong, đánh giá ngoài, đánh giá 5 năm theo các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Hằng năm, đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế, nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024 – 2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối 10			Chia ra theo khối 11			Chia ra theo khối 12	
			10A	10D1	10D2	11A	11D1	11D2	12A	12D
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	169	19	20	15	20	19	24	23	29
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	123	19 (100%)	20 (100%)	15 (100%)	20 (100%)	19 (100%)	24 (100%)	23 (100%)	28 (96.6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	1 (3.4%)
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập	169	19	20	15	20	19	24	23	29
1	Giỏi/ Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	123	14 (73.7%)	13 (65%)	8 (53.3%)	13 (65%)	16 (84.2%)	18 (75%)	23 (100%)	18 (62.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	46	5 (26.3%)	7 (35%)	7 (46.7%)	7 (35%)	3 (15.8%)	6 (25%)	0	5 (37.93%)
3	Trung bình/ Đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0



 TRƯỜNG
 TRUNG HỌC
 PHỔ THÔNG
 PHẠM NGŨ L
 OS *

	(tỷ lệ so với tổng số)									
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả năm học 2024-2025	169	19	20	15	20	19	24	23	29
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	169	19	20	15	20	19	24	23	29
a	Học sinh XS (tỷ lệ so với tổng số)	23	3 (15.8%)	3 (15%)	4 (26.7%)	3 (15%)	0	5 (20.8%)	5 (21.7%)	0
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	100	11 (57.9%)	10 (50%)	4 (26.7%)	10 (50%)	16 (84.2%)	13 (54.2%)	18 (78.3%)	18 (62.1%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16/39 (9.5% /23%)	0/1 (0% /5.3%)	0/2 (0% /10%)	0/6 (0/40%)	2/9 (10/ 40%)	4/13 (21% /68.4%)	3/7 (12.5/ 29.1%)	1/1 (4.3% /4.3%)	6/0 (20.7% /0%)



5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cấp huyện	0	0	0	0	0	2	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp	52	0	0	0	0	0	0	23	29
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghệp	52	0	0	0	0	0	0	23	29
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	52 (100%)							23 (100%)	29 (100%)

VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	128/41	18/1	13/7	9/6	19/1	13/6	16/8	15/8	25/4
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	1	0	0	0	0	0	1	1

2. Thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, học kỳ I năm học 2025 – 2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối 10			Chia ra theo khối 11		Chia ra theo khối 12		
			10A1	10A2	10A3	11A1	11A2	12A	12D1	12D2
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	174	20	19	18	26	23	23	21	24
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	168 (95,6%)	20 (100%)	19 (100%)	12 (66,7%)	26 (100%)	23 (100%)	23 (100%)	21 (100%)	24 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				6 (33,3%)					
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	174	20	19	18	26	23	23	21	24
1	Tốt	174 (95,6%)	12 (60%)	7 (36,8%)	2 (11,1%)	18 (69,2%)	6 (26,1%)	17 (73,9%)	19 (90,5%)	23 (95,8%)

	(tỷ lệ so với tổng số)									
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	70 (40.2%)	8 (40%)	12 (63.2%)	16 (88.9%)	8 (30.8%)	17 (73.9%)	6 (26.1%)	2 (9.5%)	1 (4.17%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả học kì I, năm học 2025-2026									
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	28/27				10/8 (38.5/ 30.8%)	9/15 (39.1 /65.2%)	2/0 (8.7 /0%)	6/1 (28.6 /19%)	1/0 (4.2/0%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cấp huyện	0	0	0	0	2	3	0	0	0

2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp							23	21	24
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp									
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)									
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)									
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)									
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)									
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	132/42	14/6	16/3	13/5	19/7	18/5	23/1	14/7	16/8
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6	3	2			1			

3. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp							
		Lớp 10A1	Lớp 10A2	Lớp 10A3	Lớp 10A4	Lớp 10A5	Lớp 10A6		
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội							
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	10 buổi/tuần							
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả học tập hàng tháng tới phụ huynh học sinh - Học sinh vắng được gọi điện đến nhà thông báo <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ học tập chuyên cần 							
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đủ các thiết bị theo quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội 							
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả học tập: <li style="padding-left: 20px;">+ Tốt: 80% <li style="padding-left: 20px;">+ Khá: 17% <li style="padding-left: 20px;">+ Đạt: 03% <li style="padding-left: 20px;">+ Chưa đạt: 0% </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả rèn luyện: <li style="padding-left: 20px;">+ Tốt: 85% <li style="padding-left: 20px;">+ Khá: 15% <li style="padding-left: 20px;">+ Đạt: 0% <li style="padding-left: 20px;">+ Chưa đạt: 0% </td> </tr> </table>						<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả học tập: <li style="padding-left: 20px;">+ Tốt: 80% <li style="padding-left: 20px;">+ Khá: 17% <li style="padding-left: 20px;">+ Đạt: 03% <li style="padding-left: 20px;">+ Chưa đạt: 0% 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả rèn luyện: <li style="padding-left: 20px;">+ Tốt: 85% <li style="padding-left: 20px;">+ Khá: 15% <li style="padding-left: 20px;">+ Đạt: 0% <li style="padding-left: 20px;">+ Chưa đạt: 0%
<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả học tập: <li style="padding-left: 20px;">+ Tốt: 80% <li style="padding-left: 20px;">+ Khá: 17% <li style="padding-left: 20px;">+ Đạt: 03% <li style="padding-left: 20px;">+ Chưa đạt: 0% 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả rèn luyện: <li style="padding-left: 20px;">+ Tốt: 85% <li style="padding-left: 20px;">+ Khá: 15% <li style="padding-left: 20px;">+ Đạt: 0% <li style="padding-left: 20px;">+ Chưa đạt: 0% 								
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% lên lớp	100% lên lớp	100% lên lớp	100% lên lớp	100% lên lớp	100% lên lớp		

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đã công khai tài chính, các khoản thu, chi và thực hiện dự toán theo đúng quy định tại Thông tư 90 năm 2018.

Quyết định công bố công khai tài chính của trường THPT Phạm Ngũ Lão (đính kèm).

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Văn Tuấn

Số: 105/QĐ-THPT PNL

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tài chính của Trường THPT Phạm Ngũ Lão theo
Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHẠM NGŨ LÃO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
giáo dục và đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc
hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về cơ chế thu,
quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính
sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục,
đào tạo;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường THPT
Phạm Ngũ Lão;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu tài chính năm học 2024-2025 của Trường THPT
Phạm Ngũ Lão (theo Biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Tất cả CB, GV, NV của đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT
- Lưu: VP, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Tuấn

Số:010725

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2025

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 36/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UB ngày 20/9/1999 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Trường trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão;

Căn cứ Quyết định số 1821/QĐ-SGDĐT ngày 22/07/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hiệu trưởng Trường trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão;

Căn cứ tình hình thu chi thực tế năm học 2024-2025;

Trường THPT Phạm Ngũ Lão xin thông báo công khai tài chính năm học 2024-2025 chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	CÁC KHOẢN THU	30.687.500.231	
1	Học phí và các khoản thu hộ	28.438.410.489	
2	Thu đi vay	2.100.000.000	
3	Thu khác	149.089.742	
II	CÁC KHOẢN CHI	34.233.855.494	
1	Chi lương	11.430.417.320	
2	Chi bồi dưỡng chuyên môn, hội họp, hội thảo	172.105.762	
3	Chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài	1.244.098.550	
4	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	1.268.458.657	
5	Chi nộp ngân sách nhà nước	1.470.093.493	
6	Chi trực tiếp cho học sinh	4.060.294.623	



7	Chi trả nợ vay	700.000.000	
8	Chi khác	13.888.387.089	
III	CÁC NỘI DUNG KHÁC		
1	Mức chi trực tiếp thường xuyên/học sinh	23.884.086	
2	Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý		
2.1	<i>Mức thu nhập cao nhất</i>	55.471.295	
2.2	<i>Mức thu nhập trung bình</i>	30.415.351	
2.3	<i>Mức thu nhập thấp nhất</i>	12.188.799	



Nơi nhận:

- Niêm yết;
- Lưu VT;KT

HIỆU TRƯỞNG



LÊ VĂN TUẤN